BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM TUYỂN SINH ĐẠI HỌC LUẬT LIÊN THÔNG

LT1 - LIÊN THÔNG CHÍNH QUY KHÓA 1 (2016-2019)

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	UT	TT	HP	ĐĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	00001	Lê Tuấn	Anh	15/10/93		Đăk Lăk	TSTD		5.00	8.00	7.50	20.50	20.50	
2	00002	Nguyễn Duy	Anh	06/07/94		Đăk Lăk	TSTD		7.50	7.00	7.00	21.50	21.50	
3	00003	Nguyễn Đình	Bảy	18/10/88		Hà Nội	TSTD		5.00	7.50	6.50	19.00	19.00	
4	00004	Nguyễn Đức	Bình	10/07/95		Hải Dương	TSTD		6.50	7.00	7.50	21.00	21.00	
5	00005	Đặng Quý	Chạn	23/04/94		Yên Bái	TSTD		5.50	7.00	7.00	19.50	19.50	
6	00006	Hướng Viết	Chiến	05/04/94		Lạng Sơn	TSTD		5.00	6.00	7.00	18.00	18.00	
7	00008	Vi Đức	Duy	05/11/95		Lạng Sơn	TSTD		5.50	6.50	7.50	19.50	19.50	
8	00009	Nông Hoàng	Dũng	26/09/95		Lạng Sơn	TSTD		5.00	6.00	7.25	18.25	18.25	
9	00010	Bùi Khắc	Đạt	17/12/95		Hòa Bình	TSTD		6.50	7.00	7.50	21.00	21.00	
10	00011	Y Ci	Êban	07/11/96		Đăk Lăk	TSTD		5.50	6.50	8.00	20.00	20.00	
11	00012	Bùi Thị	Hạnh	13/07/95	Nữ	Đăk Lăk	TSTD		5.00	7.00	8.50	20.50	20.50	
12	00013	Nguyễn Thị	Hậu	20/05/94	Nữ	Gia Lai	TSTD		6.00	7.50	8.00	21.50	21.50	
13	00014	Hoàng Văn	Hiệp	26/06/96		Bắc Giang	TSTD		4.00	6.00	5.50	15.50	15.50	
14	00015	Nông Thị	Hiền	04/07/96	Nữ	Bắc Kạn	TSTD		5.00	8.00	7.50	20.50	20.50	
15	00016	Lò Mai	Hoa	10/12/96	Nữ	Sơn La	TSTD		5.00	7.50	6.00	18.50	18.50	
16	00017	Trần Xuân	Hoàn	07/02/95		Thái Nguyên	TSTD		6.50	8.00	9.00	23.50	23.50	
17	00018	Hoàng Thị	Hòa	02/02/96	Nữ	Lạng Sơn	TSTD		5.00	8.00	7.00	20.00	20.00	
18	00020	Hoàng Phi	Hùng	12/02/94		Đăk Lăk	TSTD		7.50	7.00	7.75	22.25	22.25	
19	00021	Lương Phi	Hùng	25/05/95		Tuyên Quang	TSTD		6.00	7.00	7.50	20.50	20.50	
20	00022	Nguyễn Phi	Hùng	15/03/95		Quảng Ngãi	TSTD		7.50	7.50	8.50	23.50	23.50	
21	00023	Nguyễn Duy	Hùng	23/01/94		Nam Định	TSTD		7.00	6.00	8.00	21.00	21.00	
22	00024	Trần Văn	Hùng	29/02/96		Nam Định	TSTD		7.50	6.50	6.00	20.00	20.00	
23	00025	Vũ Thị Mỹ	Hương	29/02/88	Nữ	Đăk Lăk	TSTD		7.50	6.50	7.50	21.50	21.50	
24	00026	Bế Văn Hồng	Khang	20/10/96		Thái Nguyên	TSTD		7.00	7.00	8.00	22.00	22.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	TT	HP	ĐĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
25	00027	Nguyễn Tiến	Kiên	04/10/96		Hà Nam	TSTD		6.50	7.50	7.50	21.50	21.50	
26	00028	Nguyễn Trung	Kiên	25/08/94		Đăk Lăk	TSTD		5.00	6.50	5.00	16.50	16.50	
27	00029	Lò Văn	Kim	07/07/95		Sơn La	TSTD		5.00	7.50	7.50	20.00	20.00	
28	00030	Trần Gia	Lâm	01/07/96		Phú Thọ	TSTD		5.50	7.50	6.50	19.50	19.50	
29	00031	Tưởng Khánh	Lâm	02/09/96		Đăk Lăk	TSTD		5.00	7.00	8.00	20.00	20.00	
30	00032	Bế Thị	Linh	25/03/91	Nữ	Cao Bằng	TSTD		6.00	7.00	7.00	20.00	20.00	
31	00033	Lý Diệu	Linh	13/09/96	Nữ	Thái Nguyên	TSTD		6.00	8.00	7.00	21.00	21.00	
32	00035	Nguyễn Thanh	Loan	28/12/96	Nữ	Hải Phòng	TSTD		8.00	7.00	8.00	23.00	23.00	
33	00036	Hoàng Văn	Mạnh	16/12/96		Cao Bằng	TSTD		5.50	7.50	8.00	21.00	21.00	
34	00037	Hoàng Đức	Mậu	02/01/95		Cao Bằng	TSTD		5.00	7.00	5.00	17.00	17.00	
35	00039	Ngô Khánh	Nam	04/06/95		Bình Định	TSTD		5.50	7.50	8.25	21.25	21.25	
36	00040	Lò Quỳnh	Nga	02/01/95	Nữ	Sơn La	TSTD		7.00	7.50	8.00	22.50	22.50	
37	00041	Hoàng Trọng	Nghĩa	23/09/91		Bắc Kạn	TSTD		5.50	7.50	8.00	21.00	21.00	
38	00042	H Dươn	Niê	16/01/95	Nữ	Đăk Lăk	TSTD		3.50	6.50	7.75	17.75	17.75	
39	00043	H Sara	Niê	26/11/95	Nữ	Đăk Lăk	TSTD		6.50	7.50	7.50	21.50	21.50	
40	00044	Nay H'	Oan	26/03/94	Nữ	Gia Lai	TSTD		6.50	7.00	6.00	19.50	19.50	
41	00045	Vy Thị Ly	San	09/10/96	Nữ	Sơn La	TSTD		6.00	7.00	6.00	19.00	19.00	
42	00046	Giàng A	Sà	10/04/95		Yên Bái	TSTD		5.00	6.00	7.00	18.00	18.00	
43	00047	Vàng Văn	Săm	06/07/96		Hà Giang	TSTD		4.00	7.00	7.00	18.00	18.00	
44	00048	Đặng Văn	Sơn	27/05/95		Đăk Lăk	TSTD		5.00	7.00	7.00	19.00	19.00	
45	00050	Nông Công	Tân	30/10/95		Bắc Kạn	TSTD		5.00	5.50	7.50	18.00	18.00	
46	00052	Trần Thị	Thảo	14/02/95	Nữ	Nam Định	TSTD		5.00	7.50	8.00	20.50	20.50	
47	00053	Phùng Xuân	Thìn	19/08/88		Hà Nội	TSTD		6.50	7.50	6.00	20.00	20.00	
48	00054	Phạm Thị Minh	Thu	16/11/96	Nữ	Hải Phòng	TSTD		5.50	7.50	7.50	20.50	20.50	
49	00055	Hoàng Lệ	Thùy	16/02/95	Nữ	Lạng Sơn	TSTD		6.50	7.00	7.50	21.00	21.00	
50	00056	Sùng Thị Thủy	Tiên	04/05/96	Nữ	Hà Giang	TSTD		6.00	6.50	8.00	20.50	20.50	
51	00057	Trịnh Ngọc	Toàn	02/08/92		Bắc Giang	TSTD		7.50	7.00	8.50	23.00	23.00	
52	00058	Vàng Seo	Trinh	16/05/96		Lào Cai	TSTD		5.50	6.00	7.50	19.00	19.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	UT	TT	HP	ĐĐ	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
53	00059	Lương Ngọc	Vỹ	03/10/96		Thái Nguyên	TSTD		5.50	7.00	7.00	19.50	19.50	

CỘNG TRƯỜNG LT1C : 53 THÍ SINH

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CNTT

Phạm Văn Khanh

THANH TRA TUYỂN SINH

Nguyễn Thường Lan

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG

Lê Đình Nghị

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TS

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI